

Thang đo sức mạnh thị trường



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,522.50	-0.20	5.49	34.43
HNX	480.36	1.32	6.92	130.80
UPCOM	114.26	0.48	1.92	53.51
MSCI EM	1,234.95	0.12	0.84	-6.44
NIKKEI	29,332.16	0.10	4.65	8.00
HANG SENG	22,907.25	-1.64	-3.62	-17.15
KOSPI	2,953.97	-1.18	-0.48	-1.22
FTSE	7,498.11	-0.09	5.28	13.40
S&P 500	4,793.54	-0.06	5.62	28.62
NASDAQ	15,622.72	-1.33	3.56	21.87

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.77	2.80	16.11
SET INDEX	15.44	1.79	7.59
JCI INDEX	26.00	0.00	7.64
PCOMP INDEX	23.35	1.74	7.69

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.90	3	11	-30
10 năm	2.09	0	0	-27

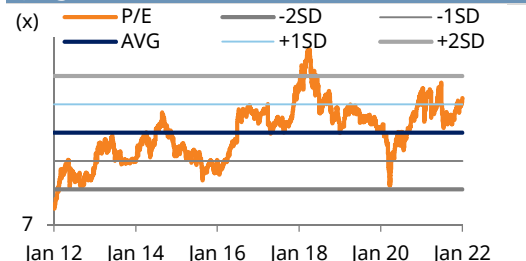
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,750	0.06	1.38	1.45
US\$/KRW	1,197	-0.24	-1.20	-9.14
US\$/JPY	116	0.22	-2.09	-11.37
US\$/EUR	0.88	-0.19	-0.20	8.76
US\$/GBP	0.74	-0.18	-2.14	0.55
US\$/SGD	1.35	0.02	1.02	-2.75

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,157	1,095	876
HNX	121	138	127
UPCOM	114	82	66

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Quay đầu giảm điểm

Sắc xanh chiếm ưu thế trong suốt phiên giao dịch và có lúc thị trường bùng nổ tăng mạnh hơn 10 điểm. Tuy nhiên, áp lực bán có phần áp đảo về cuối phiên đã khiến cho chỉ số VN-Index quay đầu giảm điểm, và đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày. Kết phiên, VN-Index giảm hơn 3 điểm tương ứng 0,2% so với phiên trước và dừng chân tại ngưỡng 1,522 điểm.

Thanh khoản khớp lệnh phiên hôm nay tăng nhẹ với 987 triệu đơn vị khớp lệnh tăng 17,6% so với phiên trước tương ứng giá trị giao dịch đạt 30,618 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn trong VN30 bị bán mạnh là tác nhân làm cho thị trường quay đầu. Đóng cửa VN30 giảm gần 13 điểm với 19 mã giảm so với 11 mã tăng và đứng giá. MSN là mã chịu áp lực giảm mạnh nhất với 5,3% trong phiên hôm nay. Còn ở chiều ngược lại, VRE đóng cửa ở mức giá cao nhất trong 6 tháng trở lại đây tại 33,300 đồng/ cổ phiếu.

Khối ngoại quay trở lại bán ròng với giá trị hơn 224 tỷ đồng trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu danh sách bán ròng là MSN với hơn 167 tỷ và ở vị trí thứ 2 là VNM với hơn 87,8 tỷ đồng. Còn ở chiều ngược lại, VHM và CTG mua ròng với giá trị lần lượt 118 tỷ và 102 tỷ.

Mặc dù đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày, nhưng điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index chỉ giảm nhẹ 1 điểm xuống mức +6 điểm vẫn duy trì trạng thái đánh giá ngắn hạn là KHẢ QUAN. P/E hiện tại của VN-Index đạt 17,8.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	6	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

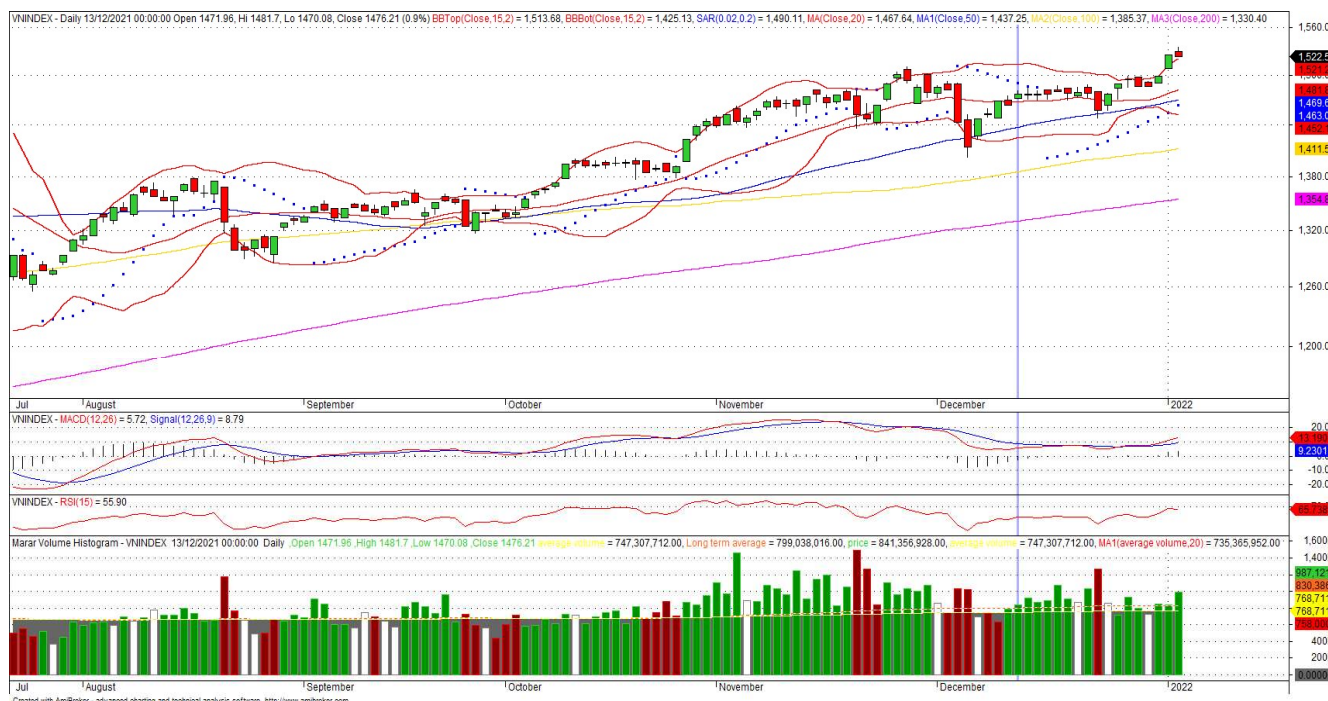
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	6	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/01/2022)	Kháng cự 1	1.570
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.620
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.480
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.420

VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày thanh khoản có phần tăng nhẹ

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

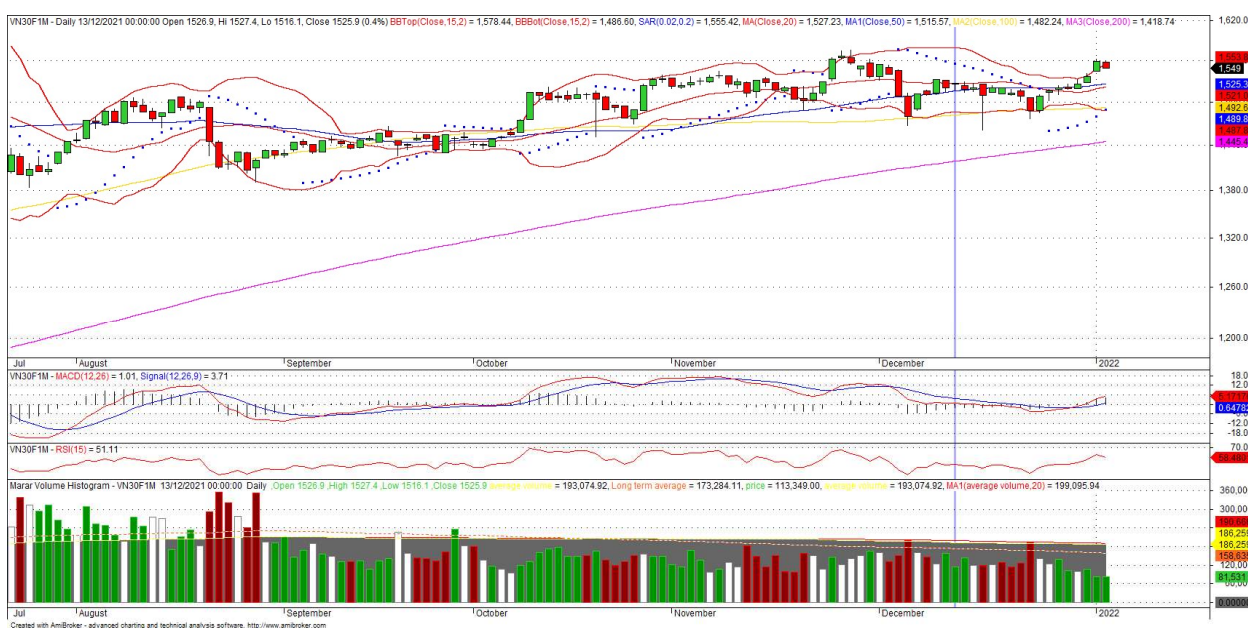
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (05/01/2022)	1.549	Kháng cự 1	1.580
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.630
VN30 - đóng cửa	1.546	Hỗ trợ 1	1.500
Chênh lệch VN30F1M & VN30	2,99	Hỗ trợ 2	1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	6	KHẢ QUAN

VN30F1M đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày, tuy nhiên thanh khoản có phần suy giảm, điểm số đánh giá kỹ thuật vẫn duy trì ở mức KHẢ QUAN.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
VIB	Ngân hàng	47,450	2,509,410	99	6	
GEX	Điện	43,450	15,189,14	94	6	
STB	Ngân hàng	32,550	17,726,26	90	7	
KDH	Bất động sản	55,700	2,582,935	87	7	
HBC	Xây dựng	32,900	9,856,495	80	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
CII	53	12,053,565	7	KHẢ QUAN	12,666	4,475.8	2.7	639
VCG	56	11,262,335	7	KHẢ QUAN	24,736	43.2	3.7	631
CEO	85.6	7,313,020	7	KHẢ QUAN	22,028	#N/A N/A	7.9	626
STB	32.55	17,726,260	7	KHẢ QUAN	61,364	17.4	1.8	577
FLC	20	25,465,436	7	KHẢ QUAN	14,200	9.3	1.5	509
LDG	24.6	16,523,495	7	KHẢ QUAN	5,890	193.7	1.9	406
SHS	52.2	6,710,750	7	KHẢ QUAN	16,979	12.8	3.7	350
HBC	32.9	9,856,495	7	KHẢ QUAN	7,975	78.6	2.2	324
HHV	28.1	9,921,190	7	KHẢ QUAN	7,513	48.2	1.2	279
VRE	33.3	7,501,240	7	KHẢ QUAN	75,668	34.9	2.5	250
KDH	55.7	2,582,935	7	KHẢ QUAN	35,812	30.0	3.7	144
TTF	14.95	9,271,335	7	KHẢ QUAN	4,652	#N/A N/A	#N/A N/A	139
GAS	105	883,030	7	KHẢ QUAN	200,965	24.5	4.1	93
ASM	24.6	3,634,460	7	KHẢ QUAN	6,368	11.1	1.3	89
DRH	32.25	2,597,525	7	KHẢ QUAN	1,946	111.5	2.3	84
GEX	43.45	15,189,140	6	KHẢ QUAN	36,997	27.4	3.2	660
VPB	35.5	16,107,460	6	KHẢ QUAN	157,814	12.8	2.5	572
TCB	50.5	7,865,755	6	KHẢ QUAN	177,301	10.2	2.0	397
CTG	34.75	8,219,800	6	KHẢ QUAN	167,000	10.1	1.8	286
TPB	42	5,749,175	6	KHẢ QUAN	66,434	12.8	2.7	241
HSG	37	6,270,480	6	KHẢ QUAN	18,259	4.4	1.7	232
MBB	28.7	7,367,680	6	KHẢ QUAN	108,438	9.8	1.9	211
BSR	23.9	8,741,140	6	KHẢ QUAN	74,102	#N/A N/A	2.4	209
VIX	33.2	5,666,855	6	KHẢ QUAN	9,117	10.0	3.1	188
PVS	28.2	6,459,940	6	KHẢ QUAN	13,479	23.8	1.1	182
PVD	31.05	5,764,475	6	KHẢ QUAN	13,076	344.0	1.0	179
HCM	45.8	3,750,960	6	KHẢ QUAN	20,940	17.3	3.6	172
VIB	47.45	2,509,410	6	KHẢ QUAN	73,697	13.2	3.3	119
MWG	137.1	808,930	6	KHẢ QUAN	97,729	22.4	5.2	111
APS	37	2,990,505	6	KHẢ QUAN	3,071	8.7	3.1	111
BID	37.05	1,884,915	6	KHẢ QUAN	187,418	19.0	2.3	70

DIG	110.6	5,585,735	5	KHẢ QUAN	55,288	63.0	9.3	618
PAN	40.5	3,910,635	5	KHẢ QUAN	8,460	39.9	2.3	158
SZC	72.4	1,346,650	5	KHẢ QUAN	7,240	28.2	5.2	97
ART	16.7	5,028,420	5	KHẢ QUAN	1,619	171.4	1.4	84
DPG	79.7	1,034,180	5	KHẢ QUAN	5,021	13.3	4.0	82
PVX	7	10,274,475	5	KHẢ QUAN	2,800	#N/A N/A	13.4	72
HT1	24	2,866,835	5	KHẢ QUAN	9,157	19.8	1.6	69
CTS	49.9	1,343,480	5	KHẢ QUAN	5,309	17.8	3.3	67
SSI	52.8	14,957,270	4	KHẢ QUAN	51,868	24.3	3.8	790
SHB	22	10,302,400	4	KHẢ QUAN	58,671	12.0	1.9	227
HDB	30.5	5,597,625	4	KHẢ QUAN	60,762	10.8	2.2	171
LPB	22.2	6,298,220	4	KHẢ QUAN	26,720	9.7	1.7	140
SBT	26.2	4,447,725	4	KHẢ QUAN	16,484	24.6	2.0	117
KSB	46.4	2,084,860	4	KHẢ QUAN	3,401	13.5	2.0	97
IDI	16	5,493,480	4	KHẢ QUAN	3,642	44.1	1.3	88
TSC	15.3	5,151,050	4	KHẢ QUAN	2,259	20.1	1.3	79
SBS	18.4	3,676,210	4	KHẢ QUAN	2,331	2,028.7	11.3	68
HPG	46.8	16,579,860	3	TRUNG TÍNH	209,333	6.6	2.5	776
ROS	14.9	41,171,036	3	TRUNG TÍNH	8,457	46.2	1.4	613
FCN	31.45	6,529,150	3	TRUNG TÍNH	3,945	33.5	1.8	205
PC1	41	2,018,530	3	TRUNG TÍNH	9,642	14.6	2.1	83
POW	19	32,781,054	2	TRUNG TÍNH	44,496	15.3	1.5	623
VHM	84	7,030,185	2	TRUNG TÍNH	365,767	9.5	3.2	591
KBC	60.5	8,889,085	2	TRUNG TÍNH	34,470	35.5	2.2	538
NLG	65	6,285,935	2	TRUNG TÍNH	24,891	15.0	2.8	409
VIC	100	2,695,840	2	TRUNG TÍNH	380,521	80.1	3.7	270
IJC	32.85	5,223,010	2	TRUNG TÍNH	7,132	9.6	2.2	172
NKG	38.55	4,377,715	2	TRUNG TÍNH	8,458	4.1	1.6	169
VNM	86.2	1,643,895	2	TRUNG TÍNH	180,154	19.1	5.8	142
ACB	33.7	3,354,230	2	TRUNG TÍNH	91,056	9.4	2.1	113
VJC	123	759,545	2	TRUNG TÍNH	66,618	54.2	3.9	93
VCB	78	1,136,815	2	TRUNG TÍNH	369,137	17.5	3.4	89
SAM	25.85	3,228,235	2	TRUNG TÍNH	9,047	75.7	2.4	83
AMD	8.96	9,191,500	2	TRUNG TÍNH	1,465	54.7	0.8	82
GMD	47.6	1,475,705	2	TRUNG TÍNH	14,346	33.0	2.4	70
VND	82.1	6,331,050	0	TRUNG TÍNH	35,709	16.2	4.1	520
TCH	28.35	14,721,145	0	TRUNG TÍNH	17,510	21.6	1.8	417
DXG	35.6	9,933,635	0	TRUNG TÍNH	21,219	27.4	2.5	354
NVL	89.1	3,503,380	0	TRUNG TÍNH	172,001	49.1	5.0	312
HNG	13.3	21,889,404	0	TRUNG TÍNH	14,744	261.8	2.2	291
LCG	23.3	7,950,020	0	TRUNG TÍNH	4,017	11.6	1.8	185
VCI	73.6	2,348,690	0	TRUNG TÍNH	24,509	17.7	3.9	173
FIT	16.3	10,551,975	0	TRUNG TÍNH	4,283	28.3	1.3	172
DLG	9.74	13,329,475	0	TRUNG TÍNH	2,915	#N/A N/A	1.3	130
GVR	38.4	3,273,360	0	TRUNG TÍNH	153,600	30.9	3.1	126
VGC	56	2,097,575	0	TRUNG TÍNH	25,108	26.4	3.8	117
DBC	74.5	1,322,845	0	TRUNG TÍNH	8,585	8.7	1.8	99
CTD	106	892,720	0	TRUNG TÍNH	7,829	145.8	0.9	95

HHS	11.65	6,188,635	0	TRUNG TÍNH	3,745	21.0	1.0	72
VGT	28.5	5,309,675	-1	TRUNG TÍNH	14,250	50.0	2.3	151
TNG	34.2	2,430,225	-1	TRUNG TÍNH	3,170	14.8	2.2	83
IDC	73	3,548,250	-2	TRUNG TÍNH	21,900	40.2	5.4	259
DCM	37.2	5,545,255	-2	TRUNG TÍNH	19,694	21.9	3.0	206
AAA	20.95	8,836,590	-2	TRUNG TÍNH	6,839	19.9	1.4	185
FRT	94	1,413,690	-2	TRUNG TÍNH	7,424	65.0	5.6	133
FPT	93.6	1,160,395	-2	TRUNG TÍNH	84,939	21.1	5.0	109
KLF	8.6	10,817,425	-2	TRUNG TÍNH	1,422	1,001.0	0.8	93
NBB	46	1,686,245	-2	TRUNG TÍNH	4,607	10.4	2.4	78
BCG	24.4	2,962,130	-2	TRUNG TÍNH	10,890	8.5	2.6	72
MSN	161	4,187,580	-3	TRUNG TÍNH	190,066	79.3	8.8	674
HAG	13.9	35,176,660	-4	TIÊU CỰC	12,891	#N/A N/A	2.6	489
PDR	93.8	4,077,715	-4	TIÊU CỰC	46,222	28.9	7.4	382
ITA	17.35	21,550,876	-4	TIÊU CỰC	16,280	98.7	1.5	374
SCR	22.15	11,843,020	-4	TIÊU CỰC	8,115	28.8	1.7	262
DPM	50	5,171,880	-4	TIÊU CỰC	19,567	12.4	2.2	259
HQC	9.27	25,094,144	-4	TIÊU CỰC	4,418	1,049.1	1.0	233
NTL	40.75	1,971,125	-4	TIÊU CỰC	2,485	8.4	2.0	80
KDC	53.9	2,239,745	-5	TIÊU CỰC	13,563	26.5	2.3	121
DGC	156.7	1,287,480	-7	TIÊU CỰC	26,808	21.6	5.4	202

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

OPEC+ giữ kế hoạch sản lượng cho tháng 2, giá dầu tăng hơn 1%

Giá dầu Brent tương lai tăng 1,02 USD, tương đương 1,3%, lên 80 USD/thùng, gần quay trở về mức giá ngày 26/11, khi thông tin về biến chủng Omicron xuất hiện. Giá dầu WTI tương lai tăng 91 cent, tương đương 1,2%, lên 76,99 USD/thùng. “Thị trường dầu tăng nhờ sự lạc quan từ cuộc họp hàng tháng của OPEC+”, theo Bjornar Tonhaugen, giám đốc thị trường dầu của Rystad Energy. OPEC cùng đồng minh, tức OPEC+, giữ nguyên kế hoạch tăng sản lượng 400.000 thùng/ngày trong tháng 2. Quyết định này phản ánh lo ngại dư cung trong quý I đã hạ nhiệt và mong muốn đưa ra định hướng rõ ràng cho thị trường. Tồn kho tại Mỹ được dự báo có tuần giảm thứ 6 liên tiếp. Nhà Trắng hoan nghênh quyết định của OPEC+, việc tiếp tục tăng sản lượng sẽ hỗ trợ đà phục hồi kinh tế. “Có vẻ thị trường bắt đầu đặt cược Omicron là khởi đầu cho việc Covid-19 chấm dứt”, Scott Shelton, chuyên gia năng lượng tại United ICAP, nói. Tại Anh, những người nhập viện vì Covid-19 nhìn chung có ít triệu chứng nghiêm trọng hơn trước. Tại Pháp, một số lĩnh vực bị gián đoạn vì Omicron nhưng không có nguy cơ “làm tê liệt” nền kinh tế, vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP 4% cho năm nay. Hoạt động sản xuất toàn cầu tháng 12 vẫn mạnh, cho thấy ảnh hưởng từ Omicron đến nguồn cung là hạn chế.

Chính phủ phấn đấu GDP tăng trưởng 6-6,5% năm nay

Tại hội nghị Chính phủ với địa phương diễn ra ngày 5/1, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã trình bày dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022. Trong đó, chủ đề điều hành của Chính phủ năm nay là đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển. Chủ đề này được cụ thể hóa thành 6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, trong đó tập trung thực hiện 3 trọng tâm. Trọng tâm đầu tiên là khôi phục, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Tiếp đến là đẩy mạnh xuất khẩu. Cuối cùng là đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động nguồn lực hợp tác công tư để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng chiến lược.

VPH: đã hoàn tất bán 55% vốn An Hưng cho Lotte Land sau 2 năm

Vạn Phát Hưng ([HoSE: VPH](#)) công bố đã hoàn tất giao dịch chuyển nhượng 55% vốn cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư TM DV An Hưng cho Công ty TNHH Lotte Land vào ngày 30/12/2021. Việc chuyển nhượng đã kéo dài từ năm 2019 đến nay. Sau khi giao dịch hoàn tất, Vạn Phát Hưng còn sở hữu 12,76 triệu cổ phiếu, tương đương 44% vốn An Hưng, không còn là công ty con. An Hưng có vốn điều lệ 290 tỷ đồng, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình, nhà ở... Đơn vị là chủ đầu tư giai đoạn 1 dự án Nhơn Đức mở rộng, quy mô khoảng 9,2 ha tại xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, TP HCM. Dự án Nhơn Đức mở rộng có quy mô 32 ha, giai đoạn 1 quy mô 9,2 ha do An Hưng làm chủ đầu tư. Giai đoạn 2 quy mô khoảng 22,8 ha. Vạn Phát Hưng và các đơn vị thành viên sẽ hoàn tất thủ tục pháp lý và triển khai trong thời gian tới. Theo báo cáo

của Vạn Phát Hưng, Công ty An Hưng kể từ khi thành lập tháng 8/2018 thì chưa có lãi, lỗ lũy kế tính đến cuối năm 2020 là 204 triệu đồng.

GVR: điều chỉnh giảm gần 1.000 tỷ đồng kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2021

Tập đoàn Cao su Việt Nam ([HoSE: GVR](#)) cho biết dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và việc thực hiện giãn cách kéo dài đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty mẹ tập đoàn. Do vậy, HĐQT đã thống nhất điều chỉnh giảm kế hoạch doanh thu tập đoàn mẹ từ 4.291 tỷ đồng xuống 3.799 tỷ đồng, tức giảm 11,4%; lợi nhuận sau thuế kế hoạch cũng giảm 982 tỷ đồng từ 3.041 tỷ xuống 2.059 tỷ đồng, tương đương giảm 33%. Trong khi đó, tập đoàn duy trì kế hoạch kinh doanh hợp nhất đã đề ra gồm doanh thu 26.914 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4.564 tỷ đồng. 9 tháng, tập đoàn mẹ ghi nhận doanh thu 745 tỷ đồng, tăng 40%; lãi sau thuế 859 tỷ đồng, tăng 14%. Kết quả này còn cách rất xa kế hoạch được đề ra từ kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên diễn ra vào tháng 6 lần kế hoạch điều chỉnh.

PSH: triển khai phương án phát hành riêng lẻ 75 triệu cổ phiếu

CTCP Thương mại đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (mã chứng khoán PSH) thông báo về việc điều chỉnh và triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ, thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán. Theo đó, Dầu khí Nam Sông Hậu dự kiến phát hành riêng lẻ hơn 75,7 triệu cổ phiếu cho các nhà đầu tư, tỷ lệ phát hành 60,022%. Giá chào bán 14.000 đồng/cổ phiếu, dự kiến huy động 1.060 tỷ đồng. Sau phát hành Dầu khí Nam Sông Hậu sẽ tăng vốn điều lệ lên gần 2.020 tỷ đồng. Theo danh sách công bố, có 3 nhà đầu tư đều là các cá nhân đăng ký mua cổ phần Dầu khí Nam Sông Hậu trong đợt phát hành riêng lẻ lần này. Trong số đó ông Mai Văn Huy đăng ký mua 60 triệu cổ phiếu, tương ứng tổng số tiền chi 840 tỷ đồng. Bà Võ Bích Trâm đăng ký mua 10 triệu cổ phiếu tương ứng tổng tiền chi 140 tỷ đồng. Số còn lại, ông Mai Hữu Phúc chi hơn 80 tỷ đồng mua hơn 5,71 triệu cổ phiếu.

EVG: sắp chào bán hơn 200 triệu cổ phiếu, tăng gấp đôi vốn

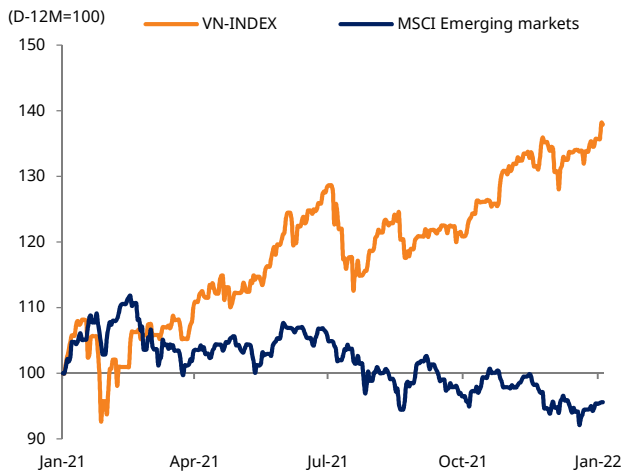
Tập đoàn EverLand (EVG) vừa thông qua kế hoạch chốt danh sách cổ đông cho đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và trả cổ tức 2020 bằng cổ phiếu. Cụ thể, EVG dự kiến chào bán 105 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu có quyền mua 1 cổ phiếu mới). Giá chào bán là 10.000 đồng/cp, thấp hơn phân nửa so với thị giá hiện nay. Nếu thành công, Công ty sẽ thu về tối đa 1.050 tỷ đồng, EVG dự kiến dùng 415 tỷ đồng để góp vốn vào 2 công ty gồm CTCP Đầu tư Xuân Đài Bay và CTCP Everland Phú Yên; 550 tỷ đồng để hợp tác cùng đối tác thực hiện Dự án Khu đô thị The New City tại tỉnh An Giang; 85 tỷ đồng còn lại để bổ sung vốn lưu động.

PLP tăng vốn thêm 200 tỷ đồng, mở rộng hệ sinh thái đầu tư

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vừa cấp phép phát hành 20 triệu cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần công nghệ Nhựa Pha Lê tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng. Theo đó, cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ được

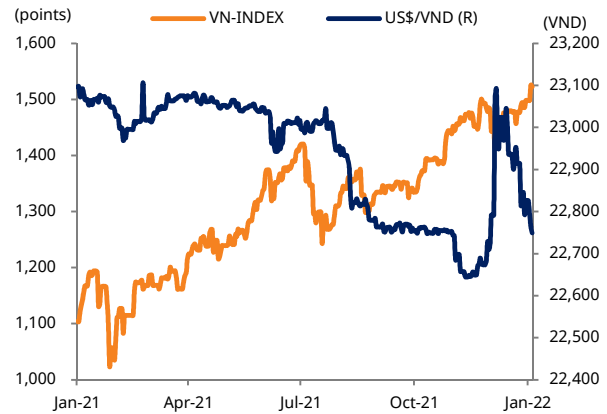
quyền mua cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ 2:1 (sở hữu 2 cổ phiếu được quyền mua 1 cổ phiếu mới) với giá 10.000 đồng/cổ phần. Giá cổ phiếu PLP đang giao dịch trên sàn trong khoảng từ 17.000 đến 18.000 đồng/cổ phiếu. Năm 2021 cổ phiếu PLP đã vượt mệnh giá và tăng gần 80%. Trong đợt chào bán này, số tiền thu được dự kiến sử dụng cho các hoạt động đầu tư mới. Cụ thể, PLP sẽ sử dụng 90 tỷ đồng đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê. Trong đó, PLP sẽ mua cổ phần Hoàng Gia Pha Lê phát hành tăng vốn điều lệ từ 190 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng và mua lại cổ phần từ các cổ đông khác. Hoàng Gia Pha Lê hiện là công ty con của PLP với tỷ lệ sở hữu 51%. Đây là liên doanh giữa PLP và Tập đoàn Hoàng Gia, nhà sản xuất gạch lớn thứ 2 tại Việt Nam. Hoàng Gia Pha Lê sở hữu Nhà máy ván sàn công nghệ SPC có công suất 12 triệu m² mỗi năm tại Đồng Nai với vốn đầu tư hơn 350 tỷ đồng, đã đưa sản phẩm ra thị trường (chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ) từ tháng 6/2020. Năm 2021, Hoàng Gia Pha Lê ước đạt doanh thu hơn 900 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



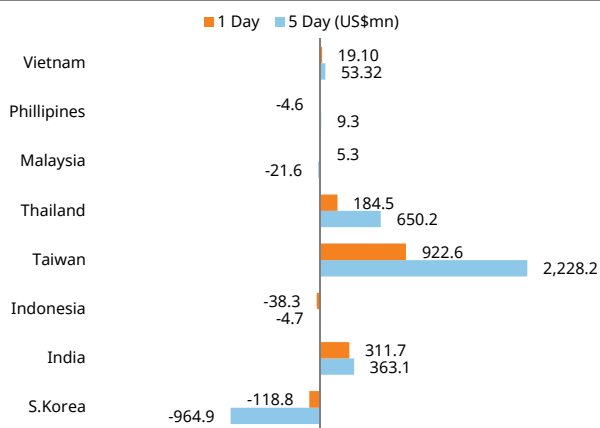
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



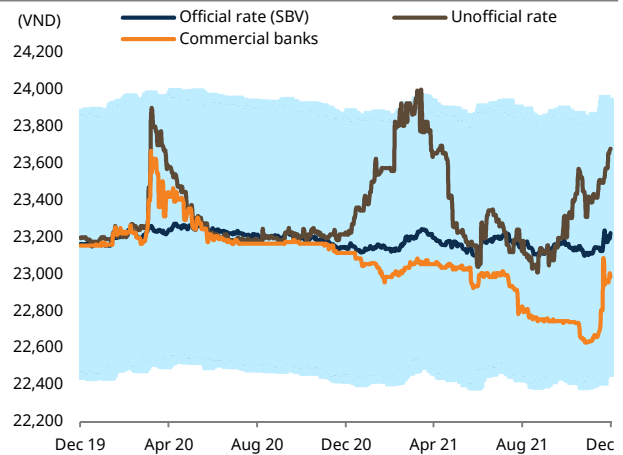
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



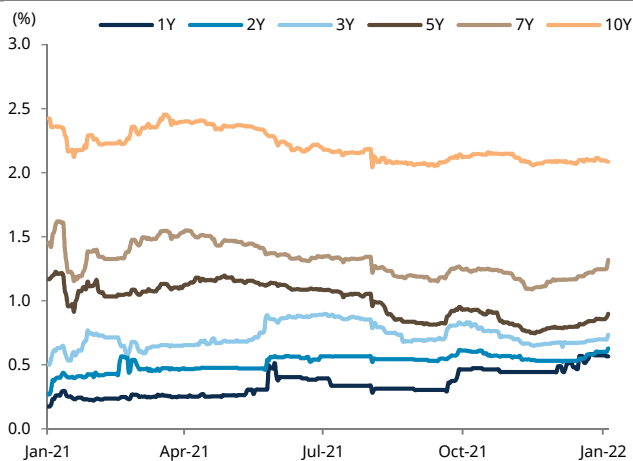
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



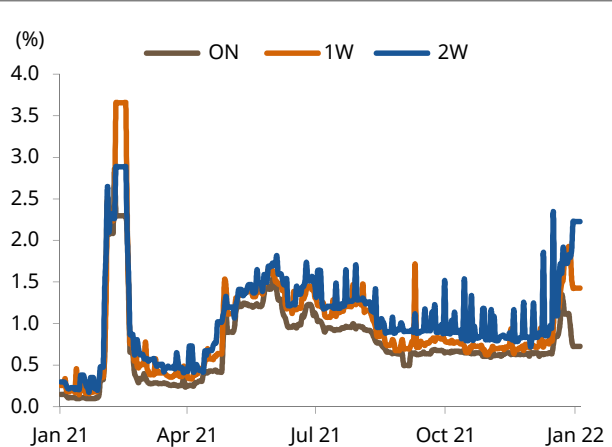
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,546.01	4,060,671		-0.8	1.5	2.8	40.0	12.5	10.2	2.2	1.9	60.5	22.3	20.2	20.2
Asia Commercial Bank	ACB VN	33,700	91,056	30.0	-2.0	0.1	3.5	43.5	9.4	7.4	2.0	1.6	27.0	28.4	23.9	24.2
BIDV	BID VN	37,050	187,418	16.7	-0.9	5.3	10.9	-2.7	20.4	15.4	2.2	2.0	57.9	32.4	13.1	15.3
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,600	42,015	26.5	-0.5	1.6	-2.1	-14.2	22.8	19.1	1.9	1.8	18.6	19.0	9.1	10.1
VietinBank	CTG VN	34,750	167,000	25.7	0.0	2.5	5.3	26.7	12.8	9.2	1.7	1.5	-4.6	38.4	15.6	19.2
FPT Corp	FPT VN	93,600	84,939	49.0	0.1	-1.0	-2.0	71.7	20.3	16.6	4.3	3.9	29.1	22.2	24.0	25.3
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	105,000	200,965	2.7	3.0	7.0	8.7	16.7	20.7	17.0	4.0	3.6	25.9	21.6	19.7	22.3
Vietnam Rubber Group	GVR VN	38,400	153,600	0.5	2.1	1.5	5.2	30.2	33.5	30.4	NA	NA	21.4	10.2	9.4	9.9
HDBank	HDB VN	30,500	60,762	17.1	-1.9	0.0	-1.6	54.0	10.6	9.5	2.1	1.7	35.1	11.3	20.9	19.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	46,800	209,333	23.6	0.1	2.2	-1.9	49.2	5.7	6.7	2.1	1.6	189.3	-14.9	45.3	29.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	55,700	35,812	32.1	2.4	6.1	21.0	108.4	32.5	24.0	3.7	3.4	-8.6	35.3	13.5	15.7
MBBank	MBB VN	28,700	108,438	23.2	-1.4	1.4	1.4	55.5	9.0	7.6	1.8	1.4	44.5	19.5	21.7	21.7
Masan Group Corp	MSN VN	161,000	190,066	31.7	-5.3	-6.1	6.6	80.3	37.0	29.3	8.7	6.7	312.6	26.6	31.6	23.1
Mobile World Investment Corp	MWG VN	137,100	97,729	49.0	-0.5	1.0	2.7	68.7	21.3	15.4	4.9	3.9	11.7	38.0	26.6	28.3
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	89,100	172,001	7.7	0.1	2.4	5.2	146.4	41.7	30.3	5.6	5.0	-4.4	37.4	13.8	13.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	93,800	46,222	3.1	-1.1	-0.3	-1.2	124.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	55,700	70,772	17.1	-0.4	3.5	4.5	1.1	25.7	17.8	3.1	3.1	215.6	44.6	14.7	16.3
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	95,100	21,623	47.3	-1.5	-0.5	1.2	17.0	23.2	15.9	3.9	3.2	-5.0	45.9	18.4	22.9
PetroVietnam Power Corp	POW VN	19,000	44,496	2.8	1.6	3.5	40.2	33.8	24.5	19.3	1.4	1.3	-22.4	27.0	7.3	7.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	159,300	102,156	62.5	1.5	7.4	1.5	-19.9	28.8	23.8	4.6	4.1	-22.5	20.9	17.7	19.3
SSI Securities Corp	SSI VN	52,800	51,868	38.4	-0.4	8.2	4.6	136.8	23.1	25.2	NA	NA	76.5	-8.4	17.7	13.7
Sacombank	STB VN	32,550	61,364	17.6	1.4	8.3	16.3	83.9	19.8	14.8	1.8	1.6	31.9	33.2	10.0	11.4
Techcombank	TCB VN	50,500	177,301	22.5	-0.8	2.7	0.6	52.8	10.3	8.6	1.9	1.6	40.1	18.8	21.0	20.0
Tien Phong Bank	TPB VN	42,000	66,434	29.3	-1.8	-0.1	20.6	104.3	14.0	11.5	2.6	2.1	18.9	22.2	21.2	20.2
Vietcombank	VCB VN	78,000	369,137	23.5	-1.3	-2.5	1.6	0.2	18.8	15.6	3.2	2.5	18.7	20.1	20.5	20.4
Vinhomes JSC	VHM VN	84,000	365,767	23.4	-1.3	1.4	4.7	14.2	10.0	9.0	3.0	2.3	30.7	11.4	31.5	27.5
Vingroup JSC	VIC VN	100,000	380,521	13.7	-1.0	1.6	-5.2	2.6	103.2	72.6	4.2	3.9	-35.5	42.1	4.2	5.7
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	123,000	66,618	16.4	-2.4	-1.8	2.2	-1.4	NA	53.6	NA	NA	-9,965.6	-117.8	1.0	10.1
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	86,200	180,154	54.6	-0.6	0.8	0.5	-22.2	17.9	16.9	5.4	5.2	0.9	5.8	33.0	33.6
VPBank	VPB VN	35,500	157,814	15.2	-1.5	2.7	-0.6	86.0	12.5	10.5	1.8	1.6	19.9	19.2	18.0	16.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	33,300	75,668	30.4	6.9	8.1	18.5	0.0	41.0	26.4	2.5	2.3	-22.5	55.2	6.1	9.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-3.08	5,944,454	-0.2	1.9	5.5	34.4	14.1	11.4	2.4	2.0	68.4	23.8	19.4	19.7
Automobiles & Components	-0.01	9,702	-0.3	1.4	-1.1	45.2	7.6	6.2	1.3	1.2	20.8	22.3	10.5	11.5
Banks	-5.14	1,794,497	-1.0	-0.1	5.4	40.4	12.5	10.1	2.0	1.7	31.4	23.1	17.5	17.6
Capital Goods	2.00	360,050	2.3	6.0	26.2	153.2	15.1	12.7	0.5	0.4	26.9	32.9	8.1	8.5
Commercial & Professional Services	-0.01	5,486	-0.9	-0.7	-4.1	14.5	10.6	7.3	NA	NA	-7.8	45.5	7.8	10.8
Consumer Durables & Apparel	0.07	50,184	0.6	1.2	0.7	69.2	16.4	11.6	2.3	2.0	11.6	39.0	13.0	15.6
Consumer Services	0.02	9,418	1.0	0.8	0.4	25.7	NA	20.1	NA	NA	NA	NA	-8.7	2.6
Diversified Financials	-0.33	195,776	-0.6	0.9	6.0	174.4	10.0	7.0	NA	NA	80.7	-8.4	15.9	12.6
Energy	-0.10	96,563	-0.4	3.4	6.9	19.2	44.8	17.4	2.5	2.5	NA	NA	12.1	13.9
Food, Beverage & Tobacco	-1.74	613,248	-0.9	-0.2	5.1	24.0	23.2	19.0	5.2	4.4	NA	11.2	23.4	21.0
Health Care Equipment & Services	0.06	4,355	5.6	10.4	-0.2	32.5	9.9	13.0	NA	NA	40.4	-23.7	11.4	9.6
Household & Personal Products	0.00	1,672	-0.2	2.6	0.6	-4.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Insurance	-0.09	56,146	-0.6	0.5	-1.9	-2.1	18.8	15.9	1.6	1.5	19.9	18.7	7.7	8.6
Materials	0.77	556,132	0.5	1.7	1.5	66.8	14.6	13.5	1.4	1.1	NA	2.4	26.4	20.0
Media & Entertainment	-0.02	1,748	-3.6	-5.3	20.4	-20.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Pharmaceuticals	-0.02	33,593	2.3	4.6	26.0	52.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Real Estate	0.06	1,389,991	-0.2	0.2	-2.1	17.2	12.7	11.0	2.2	2.0	5.6	14.5	11.4	11.7
Retailing	-0.15	113,309	0.1	3.4	6.7	52.2	40.7	29.2	2.9	2.6	0.0	23.7	13.0	12.8
Software & Services	0.06	92,480	-0.5	0.7	5.8	75.1	20.4	15.0	4.6	3.7	89.5	38.0	24.3	25.9
Technology Hardware & Equipment	-0.04	11,050	0.2	0.9	-1.6	72.2	18.6	15.2	4.0	3.6	29.4	22.7	22.1	23.2
Telecommunication Services	-0.01	2,605	-1.2	0.9	1.1	201.6	20.6	15.1	6.8	5.0	95.3	36.8	29.7	29.3
Transportation	-0.39	202,020	-1.7	0.6	25.7	368.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Utilities	1.71	316,551	-0.6	-0.4	7.5	35.3	88.7	81.2	0.7	0.6	59.4	NA	-173.8	63.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	105,000	3.0	2,082,700	1.6
VRE VN	33,300	6.9	10,789,700	1.3
DIG VN	110,600	7.0	5,196,200	1.0
GVR VN	38,400	2.1	5,612,900	0.9
SAB VN	159,300	1.5	322,300	0.4
VCG VN	56,000	4.5	15,128,800	0.3
HNG VN	13,300	6.8	24,486,700	0.3
FLC VN	20,000	7.0	40,927,600	0.2
STB VN	32,550	1.4	36,939,600	0.2
KDH VN	55,700	2.4	3,718,200	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	161,000	-5.3	1,261,000	-2.8
VHM VN	84,000	-1.3	7,373,100	-1.3
VCB VN	78,000	-1.3	1,603,100	-1.3
VIC VN	100,000	-1.0	3,396,500	-1.0
VPB VN	35,500	-1.5	13,262,600	-0.7
ACB VN	33,700	-2.0	5,934,500	-0.5
BID VN	37,050	-0.9	1,922,200	-0.5
VJC VN	123,000	-2.4	570,100	-0.4
MBB VN	28,700	-1.4	9,114,900	-0.4
TCB VN	50,500	-0.8	9,569,600	-0.4

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.